

VỤ QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG, PHÒNG HỘ

Địa chỉ: Nhà A3, Bộ Nông nghiệp và Phát triển
Số 02, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

T : +84 24 38 48 99 51



Lưu hành nội bộ

HIỆN TRẠNG RỪNG ĐẶC DỤNG VÀ PHÒNG HỘ VIỆT NAM 2019

HIỆN TRẠNG RỪNG ĐẶC DỤNG VÀ RỪNG PHÒNG HỘ VIỆT NAM 2019





Được uỷ quyền bởi Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên bang Đức (BMZ), Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức GIZ trong khuôn khổ Chương trình “Bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học và các hệ sinh thái rừng tại Việt Nam” hỗ trợ thực hiện báo cáo này.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Những nội dung, diễn giải trong tài liệu này không nhất thiết phải đại diện cho quan điểm của Hợp tác Phát triển Đức GIZ hay BMZ. GIZ và BMZ từ chối chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng tài liệu này và các thông tin được cung cấp trong tài liệu bởi các cá nhân và tổ chức khác, cũng như bất kỳ tổn thất nào là kết quả của hành động đó.

Biên soạn

Lê Thiện Đức
Lê Anh Hùng
Trần Lê Trà

Hiệu đính

Đoàn Hoài Nam
Trần Nho Đạt
Nguyễn Mạnh Hiệp

Ảnh

© GIZ – Bình Đặng
Nguyễn Mạnh Hiệp
Lê Đức Khánh
Trần Lê Trà

Thiết kế và in ấn:

Mercury Creative JSC

Hà Nội, 07/2021

TỪ VIẾT TẮT

BNN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
BQL	Ban quản lý
BVR	Bảo vệ rừng
BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
CCD	Trung tâm Bảo tồn thiên nhiên và phát triển
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
ĐDSH	Đa dạng sinh học
ĐVHD	Động vật hoang dã
FFI	Tổ chức Bảo tồn Động Thực vật Quốc tế
GIZ	Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức GIZ
IUCN	Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
ORS	Hệ thống báo cáo trực tuyến
KBTNT	Khu bảo tồn thiên nhiên
KDTTN	Khu dự trữ thiên nhiên
KBTLSC	Khu bảo tồn loài và sinh cảnh
KBVCQ	Khu bảo vệ cảnh quan
KRNCTNKH	Khu rừng nghiên cứu thực nghiệm khoa học
METT	Công cụ theo dõi hiệu quả quản lý rừng
NG-CP	Nghị định-Chính phủ
PCCR	Phòng chống cháy rừng
QLRBV	Quản lý rừng bền vững
RĐD	Rừng đặc dụng

RPH	Rừng phòng hộ
RSX	Rừng sản xuất
RT	Rừng trồng
RTN	Rừng tự nhiên
SMART	Công cụ giám sát không gian và lập báo cáo
TCLN	Tổng cục Lâm nghiệp
UBND	Ủy ban nhân dân
VTV	Vườn thực vật
WWF	Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên
NSNN	Ngân sách nhà nước



VQG Cát Tiên
Ảnh: Lê Đức Khánh



VQG Cát Tiên
Ảnh: © GIZ – Bình Đặng

MỤC LỤC

TỪ VIẾT TẮT	3
LỜI NÓI ĐẦU	8
PHẦN 1 - TỔNG QUAN VỀ RỪNG ĐẶC DỤNG VÀ PHÒNG HỘ VIỆT NAM NĂM 2019	10
1.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG VÀ PHÒNG HỘ CÓ HIỆU LỰC TỪ 1/1/2019	14
1.2. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI TRONG QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG VÀ PHÒNG HỘ THEO LUẬT LÂM NGHIỆP 2017	16
1.3. HIỆN TRẠNG RỪNG VIỆT NAM 2019	23
PHẦN 2: HIỆN TRẠNG RỪNG ĐẶC DỤNG VÀ PHÒNG HỘ VIỆT NAM NĂM 2019	28
2.1. TỔNG QUAN VỀ RỪNG ĐẶC DỤNG VÀ PHÒNG HỘ VIỆT NAM NĂM 2019	28
2.2. HIỆN TRẠNG RỪNG ĐẶC DỤNG 2019	37
2.3. MỘT SỐ LOẠI RỪNG ĐẶC DỤNG MỚI	41
2.4. DANH HIỆU QUỐC TẾ	48
2.5. HIỆN TRẠNG RỪNG PHÒNG HỘ 2019	51

PHẦN 3: MỘT SỐ NỘI DUNG QUAN TRỌNG TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG ĐẶC DỤNG, PHÒNG HỘ NĂM 2019	66
3.1. RỪNG ĐẶC DỤNG VÀ PHÒNG HỘ TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP VIỆT NAM 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050	67
3.2. ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI RỪNG ĐẶC DỤNG VÀ RỪNG PHÒNG HỘ	70
3.3. CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG	74
3.4. THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH TẠI CÁC BAN QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG, RỪNG PHÒNG HỘ	78
3.5. LẬP PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	80
3.6. HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN VÀ CHIA SẼ LỢI ÍCH CÔNG BẰNG	84
3.7. ỨNG DỤNG CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN TRONG QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG	88
PHẦN 4 – ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC NỘI DUNG ƯU TIÊN VỀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG ĐẶC DỤNG PHÒNG HỘ NĂM 2020	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	98



VQG Cát Tiên
Ảnh: Lê Đức Khánh

Lời nói đầu



Hệ thống các khu rừng đặc dụng, phòng hộ hiện đang được xác lập với tổng diện tích có rừng là 6,8 triệu ha chiếm khoảng 46,6% diện tích rừng của cả nước và phân bố ở hầu khắp các tỉnh, thành phố từ Bắc đến Nam, 54/63 tỉnh thành có các khu rừng đặc dụng với 164 ban quản lý, tổng diện tích 2,16 triệu ha và 59/63 tỉnh có rừng phòng hộ với 216 ban quản lý, tổng diện tích 4,64 triệu ha.

Hệ thống các khu rừng đặc dụng, phòng hộ đại diện cho hầu hết các hệ sinh thái quan trọng trên cạn, trên biển, đất ngập nước ... trong đó phần lớn là rừng tự nhiên và đang ngày càng khẳng định rõ được vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong sự duy trì, phát triển hệ thống tự nhiên; phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu; đồng thời, bảo đảm an ninh - quốc phòng,... Chính vì vậy, việc quản lý bảo vệ và phát triển bền vững hệ thống rừng đặc dụng và phòng hộ tại Việt Nam có ý nghĩa vô cùng to lớn. Tuy nhiên, áp lực lên các khu rừng đặc dụng, phòng hộ hiện nay ngày càng tăng do nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của các địa phương và người dân; trong khi đó mức độ đầu tư nguồn lực cho các khu rừng đặc dụng, phòng hộ còn hạn chế; các cơ chế tạo động lực cho các bên liên quan, đặc biệt là cộng đồng dân cư sống gần rừng và khu vực tư nhân tham gia đầu tư bảo vệ, phát triển rừng đặc dụng và phòng hộ vẫn chưa hoàn thiện.

Báo cáo Hiện trạng rừng đặc dụng và phòng hộ Việt Nam năm 2019 là ấn phẩm thứ hai trong chuỗi báo cáo thường niên về hiện trạng rừng đặc dụng và phòng hộ Việt Nam do Vụ Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ phối hợp với Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức GIZ biên soạn. Cũng như Báo cáo các năm 2017-2018, ngoài việc cung cấp các số liệu thống kê quan trọng, Báo cáo năm 2019 sẽ trình bày theo hướng gợi mở để tiếp tục thảo luận và đề xuất các chính sách phù hợp cho công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng đặc dụng và phòng hộ tại Việt Nam, như chính sách đầu tư cho rừng đặc dụng, phòng hộ, chính sách phát triển vùng đệm, cơ chế tham gia và chia sẻ lợi ích với cộng đồng, cơ chế tự chủ tài chính, chính sách đối với lực lượng quản lý, bảo vệ rừng v.v...

Trong tương lai, ngoài nhiệm vụ bảo vệ và bảo tồn các giá trị đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái, các khu rừng đặc dụng, phòng hộ có tiềm năng cần thúc đẩy nghiên cứu, khai thác tiềm năng của rừng, phát triển lâm sản, đặc sản, kinh doanh dịch vụ nhằm tạo các nguồn thu đầu tư trở lại cho công tác bảo vệ rừng, tạo nền tảng cho việc phát triển và duy trì thành quả phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

TS. Đoàn Hoài Nam

Vụ trưởng Vụ Quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ



Rừng phòng hộ Lâm Bình
Ảnh: Nguyễn Mạnh Hiệp

PHẦN 1

TỔNG QUAN VỀ RỪNG ĐẶC DỤNG VÀ PHÒNG HỘ VIỆT NAM NĂM 2019

“Rừng đặc dụng và rừng phòng hộ chiếm vị trí rất quan trọng bởi đây là nơi có đa dạng sinh học cao nhất, bảo tồn động thực vật quý hiếm; là vùng sinh thủy, “van” điều hòa tổng thể cho từng tiểu vùng khí hậu; phát triển du lịch, nghiên cứu, học tập,... Đây là nhân, là cốt lõi của phát triển bền vững”

Nguyên Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nguyễn Xuân Cường

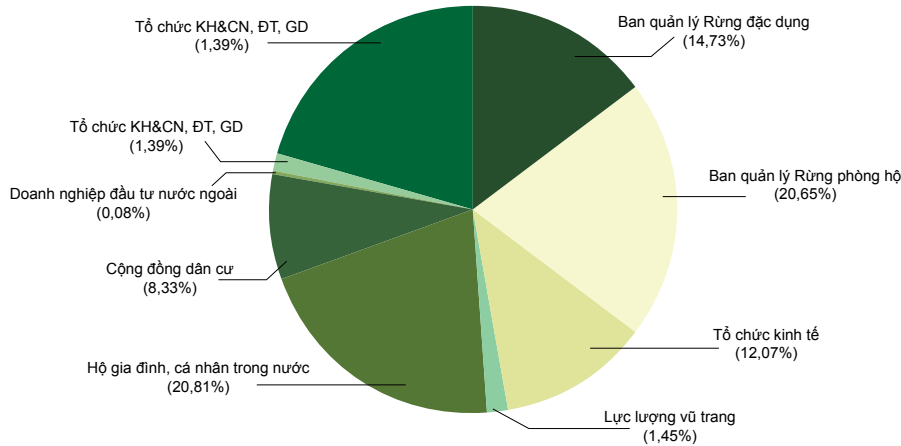
RỪNG ĐẶC DỤNG	RỪNG PHÒNG HỘ
Tổng diện tích rừng đặc dụng là 2,16 triệu ha	Tổng diện tích rừng phòng hộ là 4,64 triệu ha
54/63 tỉnh thành có rừng đặc dụng	59/63 tỉnh thành có rừng phòng hộ
Tỉnh có diện tích rừng đặc dụng lớn nhất là Đắk Lắk với 227.818 ha, chiếm gần 10% diện tích rừng cả nước	Tỉnh có diện tích rừng phòng hộ lớn nhất là Nghệ An với 291.071 ha, chiếm 6,3% cả nước
Tỉnh có diện tích rừng đặc dụng nhỏ nhất là Bạc Liêu với 248,8 ha	Tỉnh có diện tích rừng phòng hộ nhỏ nhất là Bắc Ninh có 530 ha
167 Ban quản lý rừng đặc dụng	216 Ban quản lý rừng phòng hộ

Hộp 1: Một số thông tin về rừng đặc dụng và phòng hộ Việt Nam năm 2019

Nguồn: Tổng cục Lâm nghiệp, 2019



Biểu đồ 1: Tỷ lệ diện tích rừng phân theo loại chủ quản lý



Nguồn: Bộ NN&PTNT (2020)

Bảng 1: Diện tích rừng phân theo loại chủ quản lý

Chủ rừng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Ban quản lý Rừng đặc dụng	2.152.460	14,73
Ban quản lý Rừng phòng hộ	3.016.541	20,65
Tổ chức kinh tế	1.763.961	12,07
Lực lượng vũ trang	211.808	1,45
Hộ gia đình, cá nhân trong nước	3.039.597	20,81
Cộng đồng dân cư	1.216.982	8,33
Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	11.277	0,08
Tổ chức KH&CN, ĐT, GD	202.903	1,39
UBND xã	2.993.692	20,49
Tổng	14.609.220	100,00

Nguồn: Bộ NN&PTNT (2020)



©GIZ
Ảnh: Bình Đặng

1.1. CÁC QUY ĐỊNH QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG VÀ PHÒNG HỘ CÓ HIỆU LỰC TỪ 1/1/2019

Luật Lâm nghiệp có hiệu lực từ 1/1/2019 được coi là một trang mới của ngành Lâm nghiệp. Luật bao hàm toàn bộ các hoạt động của ngành từ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng đến chế biến lâm sản, thị trường lâm sản, cũng như cấu trúc ngành Lâm nghiệp. Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thực thi một số điều của Luật Lâm nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định 156) cũng được coi là sự đổi mới của việc ban hành văn bản pháp luật với chỉ một Nghị định mà có thể quy định hầu hết các vấn đề liên quan đến ngành Lâm nghiệp.

Sau khi Luật Lâm nghiệp được ban hành vào năm 2018, các văn bản dưới Luật đã được xây dựng và phê duyệt trong các năm 2018-2019. Phần lớn các văn bản dưới Luật bắt đầu có hiệu lực trong năm 2019.

Bảng 2: Một số chính sách về quản lý bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ được ban hành trong năm 2018-2019

Số văn bản	Nội dung	Ngày ban hành	Hiệu lực thi hành
Nghị định 156/2018/NĐ-CP	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	16/11/2018	1/1/2019
Nghị định 01/2019/NĐ-CP	Nghị định về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng	1/1/2019	15/2/2019
Nghị định 06/2019/NĐ-CP	Nghị định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	22/1/2019	10/3/2019
Nghị định 35/2019/NĐ-CP	Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp	25/4/2019	10/6/2019

Số văn bản	Nội dung	Ngày ban hành	Hiệu lực thi hành
Thông tư 27/2018/TT-BN-NPTNT	Thông tư quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản	16/11/2018	1/1/2019
Thông tư 28/2018/TT-BN-NPTNT	Thông tư quy định về quản lý rừng bền vững	16/11/2018	1/1/2019
Thông tư 29/2018/TT-BN-NPTNT	Thông tư quy định về các biện pháp lâm sinh	16/11/2018	1/1/2019
Thông tư 30/2018/TT-BN-NPTNT	Thông tư quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính	16/11/2018	1/1/2019
Thông tư 31/2018/TT-BN-NPTNT	Thông tư quy định về phân định ranh giới rừng	16/11/2018	1/1/2019
Thông tư 32/2018/TT-BN-NPTNT	Thông tư quy định phương pháp định giá rừng; khung giá rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân	16/11/2018	1/1/2019
Thông tư 33/2018/TT-BN-NPTNT	Thông tư quy định về điều tra, kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến rừng	16/11/2018	1/1/2019

1.2. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI TRONG QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG VÀ PHÒNG HỘ THEO LUẬT LÂM NGHIỆP 2017

CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA LUẬT LÂM NGHIỆP 2017

- Lâm nghiệp là ngành kinh tế - kỹ thuật liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm lâm nghiệp.
- Chế định sở hữu rừng:
 - Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân.
 - Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sở hữu rừng sản xuất (RSX) là rừng trồng (RT) bao gồm: Rừng do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đầu tư; Rừng được nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế rừng từ chủ rừng khác theo quy định của pháp luật.
- Quy định về chế biến và thương mại lâm sản.
- Quản lý, bảo vệ về diện tích và chất lượng rừng.
- Quy định về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
- Chuyển hướng từ GỖ sang khai thác DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG.
- Đổi mới tổ chức quản lý ngành Lâm nghiệp.
- Chủ rừng được áp dụng phương thức tự tổ chức, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được phê duyệt.

